TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Ngọc Hân.

2. Ông Trương Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kinh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐST-HN ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Ngọc Y,** sinh năm: 1990.

Địa chỉ: 281B/8, ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*: Anh **Lê H,** sinh năm: 1985.

Địa chỉ: 281B/8, ấp Tân E, xã F, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chị Y có mặt tại phiên tòa, anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện kết hôn vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/6/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình và cách sống không phù hợp nên thường xuyên cãi vả, anh H có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Hai bên gia đình nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay, chị Y xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Hiền nên chị Yến yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê H. Chị

Y không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Lê Q, sinh ngày 29/7/2013 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, chị và anh H tự thương lượng giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê H mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh Hiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71; bị đơn thực hiện chưa đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Lê H.

Về con chung: Chị Y và anh Hiền có 01 con chung là Lê Q, sinh ngày 29/7/2013 đang sống cùng với chị Y và có nguyện vọng sống cùng với mẹ, do đó đề nghị giao con cho chị Y được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Y không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

Về nợ chung: Chị Châu khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Y và anh Lê H là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh H hiện có địa chỉ nơi cư trú tại ấp Tân An Thượng, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Y và anh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/6/2012 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Yến xác định giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình và cách sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vả nên cả hai đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Kết quả xác minh của Tòa án phù hợp với lời trình bày của chị Y và phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh H vắng mặt không tham gia hòa giải, điều đó cho thấy anh H không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng nay chị Y và anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, việc hàn gắn không đạt được kết quả, chị Yến xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Hiền và kiên quyết ly hôn, từ đó có cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y. Ghi nhận chị Y không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Y và anh H có 01 con chung là Lê Q, sinh ngày 29/7/2013. Xét thấy chị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q từ nhỏ đến nay. Tại biên bản hỏi ý kiến con từ đủ 07 tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân và gia đình thể hiện cháu Q có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Q cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu, tránh làm xáo trộn môi trường sống hiện tại của cháu cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Yến, giao cháu Q cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Y xác định chị và anh H tự thương lượng, thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Chị Y khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về án phí: Chị Y là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Lê H.

Ghi nhận chị Y không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Y được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Q, sinh ngày 29/7/2013. Ghi nhận chị Y không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010939 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị Y đã nộp xong án phí.

Chị Y có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Tân Thạch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Mỹ Hạnh